| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN HẢI AN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST<br>Ngày: 23-9-2021<br>V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Văn Thường.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Đỗ Văn Minh.

2. Bà Dương Thị Hồng Vân

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Tiến Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021 tại hội trường xét xử B - Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 ngày 5 năm 2021 về việc "tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị P; địa chỉ: Số X, phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H; địa chỉ: Số X, phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 3 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng năm 2003. Ngay từ khi chung sống giữa anh, chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong sinh hoạt và suy nghĩ. Mặc dù sống chung nhà nhưng giữa hai người không có sự thấu hiểu, đồng cảm với nhau, không tìm được tiếng

nói chung, chị đã cố gắng trong nhiều năm để giữ cho gia đình yên ấm. Đến tháng 7 năm 2020, do mâu thuẫn trong cách nuôi dạy con cái, anh H đánh chị, có những lời nói xúc phạm nghiêm trọng đến danh dự của chị, nghiêm trọng hơn đêm tối anh H cầm dao vào phòng ngủ của chị đóng cửa đe dọa giết chị, đây là giọt nước tràn ly khiến chị không thể tiếp tục chịu đựng cuộc sống hôn nhân được nữa. Chị đã chuyển ra ngoài sinh sống từ đầu năm 2021 đến nay. Từ đó anh chị sống ly thân, không có sự quan tâm đến nhau nữa. Nay mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh H 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu Thanh sinh ngày 24/4/2003 và Nguyễn Tiến Thành sinh ngày 17/9/2009. Ly hôn, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tiến Thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Nguyễn Thị Thu Thanh đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị P và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị P nhận nộp cả án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn, anh Nguyễn Văn H trình bày trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Anh H xác nhận lời trình bày của chị P về điều kiện và thời gian kết hôn là đúng. Anh H cho biết, tuy ở cùng nhà nhưng sống như trong cảnh ly thân 18 năm nay, chị P như một người giúp việc chứ không phải là người vợ. Cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt, không có sự gần gũi chia sẻ, quan tâm đến nhau, giữa vợ chồng thỉnh thoảng có những bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy con chung, có lần bức xúc anh có lời nói, hành động xúc phạm chị P, anh nhận thấy việc xúc phạm chị P cũng như nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh cũng có phần sai. Mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 7 năm 2020, đến đầu năm 2021 chị P bỏ đi về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay mỗi người ở một nơi. Nhưng anh cho rằng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng, anh H có nhờ gia đình bên ngoại phân tích, khuyên nhủ chị Phượng, nhưng chị P không nhận ra cái sai của mình, không sửa đổi, nên anh cũng không có biện pháp nào cải thiện quan hệ vợ chồng. Nay anh H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nhưng nghĩ về con cái, nên duy trì hôn nhân. Đề nghị chị P giữ nguyên tình trạnh sống ly thân một vài năm, do đó anh Phượng không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh H và chị P có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu Thanh sinh ngày 24/4/2003 và Nguyễn Tiến Thành sinh ngày 17/9/2009. Hiện cháu Thu Thanh đã thành niên, cháu ở với ai do cháu quyết định. Ly hôn, anh nhận được nuôi dưỡng cháu Tiến Thành, không yêu cầu chị P đóng góp nuôi con chung. Anh không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn H đều có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã nêu trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản làm việc và trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ của chính quyền địa phương và đại diện gia đình chị P và con chung: Chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng năm 2003, đến nay có hai con chung.

Sau kết hôn chị P và anh H về chung sống tại số 25/67 Ngô Gia Tự, phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Trong cuộc sống gia đình giữa anh H và chị P do có khác biệt về suy nghĩ và quan điểm sống nên dẫn đến việc không có sự cảm thông, tin tưởng và thấu hiểu nhau, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung làm phát sinh những mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài trong nhiều năm không khắc phục được. Anh chị sống ly thân mỗi người một nơi từ đầu năm 2021 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị P xin ly hôn, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, đại diện gia đình chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn anh H, con chung đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo theo nguyện vọng của anh chị.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tiến T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chị P đã nộp đủ theo Biên lai thu tạm ứng án phí.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị P có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng ngày 28/01/2003 nên quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống: Thời gian đầu hòa thuận được mấy năm phát sinh mâu thuẫn, nhưng trầm trọng nhất từ tháng 8 năm 2020. Nguyên nhân do chị P và anh H có khác biệt về tuổi tác, suy nghĩ và quan điểm sống nên dẫn đến việc không có sự cảm thông, tin tưởng và thấu hiểu nhau, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng không cải thiện được. Thực tế anh chị sống ly thân mỗi người một nơi từ giữa năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị P và anh H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nhưng nghĩ về con cái, anh Nhượng có quan điểm nên duy trì hôn nhân.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Tuy anh Hương không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa chị P và anh H có đơn xin vắng mặt giữ nguyên quan điểm, chị P kiên quyết đề nghị được ly hôn, anh H. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị P đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh H là có căn cứ cần chấp nhận.

Về con chung: Chị P và anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu T sinh ngày 24/4/2003 và Nguyễn Tiến T sinh ngày 17/9/2009. Hiện con chung Nguyễn Thị Thu Thanh đã thành niên nên Tòa án không xét giải quyết.

Đối với con chung Nguyễn Tiến T, cả hai anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Hiện cháu đang ở với anh H, bản thân cháu T có nguyện vọng được ở với bố trong trường hợp anh chị ly hôn. Xét thấy anh H có công việc, thu nhập tương đối ổn định, từ khi anh chị ly thân đến nay cháu Thành vẫn được anh H chăm sóc chu đáo và để không làm sáo trộn việc sinh hoạt và học tập của cháu cũng như xem xét đến nguyện vọng của cháu, xét thấy cần giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Cả hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Cả hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tiến T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chị P đã nộp đủ theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí sơ thẩm số 0018104 ngày 13/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị P và Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Văn Thường**